
NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu chất lượng cuộc sống của trẻ em từ 6 - 11 tuổi qua tiếp cận tâm lý học

Ngô Thanh Huệ^{1,*}, Lê Thị Mai Liên²

¹*Khoa Quốc tế, ĐHQGHN, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

²*Trường ĐHKHXH &NV, ĐHQG TPHCM, Việt Nam*

Nhận ngày 01 tháng 5 năm 2013

Chỉnh sửa ngày 30 tháng 7 năm 2013; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 8 năm 2013

Tóm tắt: Chất lượng cuộc sống của trẻ em là một đề tài nghiên cứu rất quan trọng nhưng vẫn còn rất mới mẻ trong ngành khoa học xã hội ở Việt Nam như xã hội học, công tác xã hội, đặc biệt là trong ngành tâm lý học. Vì vậy, lĩnh vực này đang gặp phải nhiều vấn đề về mặt quan niệm, hạn chế về cơ sở lý thuyết cũng như công cụ đánh giá. Nghiên cứu của chúng tôi nhằm bước đầu bàn luận về những vấn đề về mặt lý thuyết (khái niệm, nội hàm khái niệm...) cũng như phương pháp nghiên cứu đối với chủ đề này dưới góc nhìn của ngành Tâm lý học. Nghiên cứu thực tế trên 165 trẻ từ 6-11 tuổi và phụ huynh thông qua bảng hỏi đánh giá chất lượng cuộc sống (AUQUEI và KINDL-R) đã được thực hiện nhằm thu thập những đánh giá của chính trẻ và của phụ huynh về những cảm nhận về cuộc sống của trẻ. Kết quả bước đầu đã chỉ ra được những lĩnh vực quan trọng trong nhận thức của trẻ về chất lượng cuộc sống mà trẻ có và những gợi ý về việc xây dựng các bảng hỏi đánh giá chất lượng cuộc sống trẻ em bằng tiếp cận tâm lý học.

Từ khóa: Chất lượng cuộc sống; Chất lượng cuộc sống trẻ em; Đánh giá chất lượng cuộc sống; Bảng hỏi AUQUEI, KINDL-R.

1. Đặt vấn đề

Chất lượng cuộc sống là một khái niệm đã được nghiên cứu trong nhiều lĩnh vực khác nhau: y học, kinh tế và chính trị học, triết học, tâm lý, xã hội học. Các nhà nghiên cứu đã chỉ ra bốn nhóm quan niệm khác nhau về chất

lượng cuộc sống: **Một là**, quan niệm mang tính khách quan dựa vào điều kiện sống vật chất và không có bệnh tật; **Hai là**, quan niệm mang tính chủ quan coi chất lượng cuộc sống biểu hiện ở mức độ hài lòng hoặc cảm nhận về cuộc sống hạnh phúc; **Ba là**, khái niệm tích hợp coi chất lượng cuộc sống mang đồng thời quan niệm chủ quan và quan niệm khách quan, chẳng hạn khái niệm được đề xuất bởi Tổ chức y tế thế giới “*Chất lượng cuộc sống là nhận thức mà cá*

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-915625827
Email: huet@isvnu.vn

nhân có được trong đời sống của mình, trong bối cảnh văn hoá, và hệ thống giá trị mà cá nhân sống, trong mối tương tác với những mục tiêu, những mong muốn, những chuẩn mực, và những mối quan tâm. Đó là một khái niệm rộng phụ thuộc vào hệ thống phức hợp của trạng thái sức khoẻ thể chất, trạng thái tâm lý hay mức độ độc lập, những mối quan hệ xã hội và môi trường sống của mỗi cá nhân” (WHO, 1994); **Bốn** là, khái niệm tích hợp linh hoạt coi “*chất lượng cuộc sống là sự đánh giá đa chiều của cá nhân về những mối quan hệ mà cá nhân tương tác với môi trường theo những tiêu chuẩn đồng thời khách quan và chủ quan*” (Lawton, 1997).

Chất lượng cuộc sống là một chủ đề đã được nghiên cứu sâu với đối tượng người lớn, nhưng đối với trẻ em, đây là một chủ đề nghiên cứu còn rất mới mẻ (Bacro & cs, 2011). Trên thế giới, nghiên cứu dưới tiếp cận tâm lý học về chất lượng cuộc sống cho nhóm đối tượng người lớn có bề dày nghiên cứu hơn nhóm trẻ em. Với nhóm khách thể là người lớn, các nghiên cứu tập trung về chất lượng cuộc sống của nhóm bệnh nhân trầm cảm, nhóm bệnh nhân cao tuổi mắc hội chứng Aizhenmer. Các nghiên cứu đối với nhóm khách thể là trẻ em chủ yếu nhằm khám phá quan niệm của trẻ về chất lượng cuộc sống, chẳng hạn những yếu tố nào cấu thành nên chất lượng cuộc sống và cách thức mà trẻ đánh giá về nó. Tuy vậy, chủ đề nghiên cứu về chất lượng cuộc sống trẻ em vẫn đang gặp phải những khó khăn về quan niệm, thiếu cơ sở lý thuyết cũng như công cụ đánh giá (Missotten & cs, 1997). Qua phân tích cơ sở lý luận cho thấy, chất lượng cuộc sống trẻ em thường dựa trên những khái niệm và cách đánh giá từ tiếp cận đánh giá chất lượng cuộc sống của người lớn (Bacro & cs, 2011, Matza & cs, 2004). Upton & cs (2008) đã đưa ra một khái niệm về chất lượng cuộc sống của trẻ em, theo đó, “*chất lượng cuộc sống của trẻ tương ứng với mức độ hài lòng của trẻ trong nhiều lĩnh*

vực khác nhau của đời sống của nó bao gồm sự thoải mái về mặt thể chất, xã hội, kinh tế, và tâm lý”.

Các công cụ đánh giá chất lượng cuộc sống trẻ em đã khai thác các lĩnh vực về **tâm lý** (bao gồm các cảm xúc, sự có mặt của cảm xúc tích cực), **thể chất** (bao gồm sự khoẻ mạnh về thể chất và các chức năng), và **mối quan hệ xã hội** (số lượng và chất lượng mạng lưới các mối quan hệ mà từng cá nhân tương tác), ngoại trừ lĩnh vực về **sự thoải mái về vật chất, tinh thần và tôn giáo** (Bruchon-Schweitzer, 2002). Mặt khác, nhiều nhà nghiên cứu chỉ ra rằng, những lĩnh vực cấu thành chất lượng cuộc sống của trẻ em khác biệt rất nhiều với chất lượng cuộc sống của người lớn (Bacro & cs, 2011; Missotten & cs, 2007). Một số tác giả nhấn mạnh tầm quan trọng của mối quan hệ gia đình, mối quan hệ bạn bè và môi trường học đường (Matza & cs, 2004) hay sự độc lập và không phụ thuộc (Ravens-Sieberer & cs, 2006 in Bacro, 2011) trong đời sống của trẻ em, so với người lớn.

Ở Việt Nam, thuật ngữ “*chất lượng cuộc sống*” đã được sử dụng trong các phương tiện thông tin đại chúng và là một chủ đề nghiên cứu trong lĩnh vực kinh tế và xã hội học. Theo đó, chất lượng cuộc sống được quan niệm một cách khách quan dựa vào điều kiện sống vật chất hay mức sống của nhóm dân cư (Nguyễn, 2006). Tuy nhiên việc phân biệt các khái niệm chất lượng cuộc sống, chất lượng sống, mức sống... vẫn đang còn gây nhiều tranh cãi. Các nghiên cứu về chất lượng cuộc sống của nhóm dân cư trong ngành xã hội học nhằm mục tiêu đóng góp vào quá trình hoạch định chính sách an sinh xã hội phù hợp cho nhóm dân cư đó.

Trong lĩnh vực tâm lý học ở Việt Nam, các nghiên cứu về đề tài chất lượng cuộc sống được thực hiện chủ yếu phân tích ở khía cạnh sức khoẻ tâm thần và quan tâm đến vấn đề bệnh lý của trẻ em, chẳng hạn đời sống của trẻ tự kỷ, trầm cảm, trẻ có rối loạn hành vi, trẻ chậm phát

triển trí tuệ, trẻ nghiện game.... Các nghiên cứu về chất lượng cuộc sống dành cho nhóm khách thể chung không có các vấn đề về mặt nhận thức, trí tuệ, cảm xúc, hành vi vẫn chưa được quan tâm nghiên cứu. Do đó, những khuyết thiếu về mặt lý luận và phương pháp nghiên cứu về lĩnh vực này đang đặt ra một thử thách cho các nhà nghiên cứu.

Mục tiêu nghiên cứu của chúng tôi là: (i) Nghiên cứu cơ sở lý luận về chất lượng cuộc sống trẻ em và đánh giá chất lượng cuộc sống trẻ em dưới góc nhìn tâm lý học; (ii) Sử dụng các công cụ trắc nghiệm từ nước ngoài để đánh giá nhận thức của trẻ từ 6-11 tuổi về chất lượng cuộc sống mà trẻ có, từ đó đề xuất một số kiến nghị đối với giáo dục gia đình và nhà trường và xã hội để nâng cao chất lượng cuộc sống cho trẻ.

Phần còn lại của báo cáo này, chúng tôi sẽ trình bày: (i) Đối tượng và phương pháp nghiên cứu (xem Mục 2); (ii) Kết quả đạt được và phân tích đánh giá (xem Mục 3); (iii) Kết luận và hướng phát triển của nghiên cứu dưới tiếp cận tâm lý học và liên hệ với nghiên cứu trong ngành công tác xã hội (xem Mục 4).

2. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Chúng tôi đã thực hiện nghiên cứu này trên 165 em học sinh tại Vinh, Nghệ An trong đó có 80 em trai và 85 em gái từ 6- 11 tuổi, tuổi trung bình là 7,89 (độ lệch chuẩn = 1,89). Nhóm khách thể là phụ huynh của trẻ gồm 165 bố mẹ.

2.2. Phương pháp và công cụ nghiên cứu

Nghiên cứu được sử dụng các bảng hỏi đánh giá chất lượng cuộc sống dành cho trẻ em của các tác giả nước ngoài: (1) *Bảng hỏi tự đánh giá chất lượng cuộc sống trẻ em thông*

qua hình ảnh AUQUEI (Manificat & Dazord, 1997) đánh giá sự hài lòng hay không hài lòng về cuộc sống của trẻ trên nhiều lĩnh vực của đời sống. Bảng hỏi gồm 2 phần: **phần một** bao gồm các câu hỏi mở, yêu cầu các em trả lời bốn câu hỏi: “*Vì sao đôi khi em cảm thấy hoàn toàn không hài lòng?; Vì sao đôi khi em cảm thấy không hài lòng?; Vì sao đôi khi em cảm thấy hài lòng?; Vì sao đôi khi em cảm thấy rất hài lòng?*” và tương ứng với mỗi câu hỏi yêu cầu em đánh giá điều đó đến với em ở mức độ như thế nào, từ thường xuyên, thỉnh thoảng, hiếm khi đến không bao giờ, phần 2 bao gồm 32 items đánh giá sự hài lòng của trẻ trên tất cả các mặt thể chất, tâm lý, gia đình, xã hội, nhà trường (2) *Bảng hỏi đánh giá chất lượng cuộc sống trẻ em dành cho bố mẹ KINDL-R* (Ravens-Sieberer & Bullinger, 1997), đánh giá sự thoải mái về thể chất, tâm lý, tự đánh giá, gia đình, mối quan hệ bạn bè, và trường học của trẻ. (3) *Bảng hỏi về hoàn cảnh xã hội gia đình* dành cho bố mẹ trẻ cũng được sử dụng để thu thập những thông tin liên quan đến bố mẹ trẻ, gia đình trẻ và bản thân trẻ.

Để xử lý kết quả, chúng tôi sử dụng Phương pháp thống kê số liệu bằng phần mềm SPSS.

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Kết quả thu được từ sự tự đánh giá của trẻ- Bảng hỏi AUQUEI⁽¹⁾

a) *Phân tích phần câu hỏi đóng bảng hỏi AUQUEI (xem biểu đồ 1)*

Điểm trung bình chung của toàn bảng hỏi AUQUEI theo đánh giá của trẻ bằng 2,07/3 cho thấy 165 trẻ được nghiên cứu hài lòng với cuộc sống của mình. Sở thích là lĩnh vực được trẻ

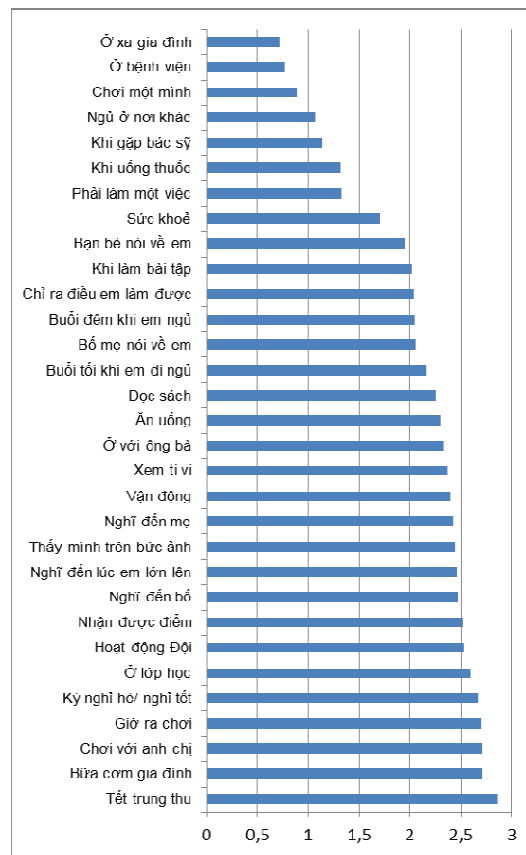
⁽¹⁾ AUQUEI: Autoquestionnaire Qualité de vie Enfant Imagé; The Pictured Child's Quality of Life Self Autoquestionnaire; Manificat et Dazord, 1997.

đánh giá hài lòng nhất ($M=2,56$). Trẻ cũng hài lòng với đời sống gia đình (mối quan hệ với bố, mẹ) và mối quan hệ với bạn bè ($M=2,25$) và về năng lực của trẻ ($M=2,09$); ngược lại trẻ hoàn toàn không hài lòng với sự chia tách (khi phải xa gia đình, hoặc khi phải chơi một mình, hoặc khi ngủ ở nhà người khác) ($M=0,89$)

Những nguồn mang lại sự hài lòng lớn nhất cho trẻ ($M>2,5$). Chúng liên quan đến ngày lễ trung thu, bữa cơm gia đình, khi trẻ chơi với anh chị em, giờ ra chơi, kỳ nghỉ hè, hay nghỉ tết, ở lớp học, khi trẻ tham gia hoạt động Đội thiếu niên tiền phong và khi trẻ nhận được điểm

ở trường. Những nguồn mang lại sự không hài lòng lớn nhất đối với trẻ ($M<1$) liên quan đến những sự chia tách với mối quan hệ gia đình (khi trẻ ở xa gia đình), khi trẻ phải vào bệnh viện, hay khi trẻ phải chơi một mình.

Ngoài ra, những item có điểm thấp hơn 1,5 cũng là nguồn mang lại sự không hài lòng với trẻ như các mục liên quan đến sức khỏe yếu như phải gặp bác sỹ, hay phải uống thuốc; sự chia tách như phải ngủ ở xa gia đình, hoặc những gì liên quan đến sự bắt buộc từ người khác chẳng hạn khi trẻ bị bắt phải làm được điều gì đó.



Biểu đồ 1⁽²⁾: Điểm trung bình từng mục của bảng hỏi AUQUEI.

⁽²⁾ Chú thích: Trục X: Điểm trung bình của các mục: 0: hoàn toàn không hài lòng; 1: không hài lòng; 2: hài lòng; 3: hoàn toàn hài lòng

Trục Y: các mục câu hỏi trong bảng hỏi AUQUEI sắp xếp theo điểm trung bình từ cao đến thấp

b) Phân tích phân câu hỏi mở bảng hỏi AUQUEI (Xem bảng 1)

Kết quả phân tích những lĩnh vực khiến trẻ không hài lòng cho thấy, *mối quan hệ với bố mẹ, bạn bè và thầy cô là lĩnh vực được trẻ nhắc đến nhiều nhất* (96,4% trẻ), ngoài ra, yếu tố về *kết quả học tập thấp* cũng chiếm một vị trí quan trọng trong nhận thức của trẻ về nguồn mang lại sự không hài lòng cho trẻ (60,6% trẻ).

Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy sự tồn tại của các yếu tố liên quan đến *hành vi bạo lực, sự ép buộc* trong gia đình và nhà trường hay sự không

hài hoà trong mối quan hệ bạn bè khiến cho trẻ không hài lòng: trong đó 37% trẻ than phiền về việc bị *bắt buộc hay bị chê trách bởi bố mẹ và thầy cô*, 29,1% trẻ than phiền về việc bị *bố mẹ, anh chị hoặc cô giáo đánh*, 16,4% trẻ không hài lòng vì không có mối quan hệ tốt đẹp với bạn bè (bạn bè chế diễu, chọc ghẹo) và 12,7% trẻ không hài lòng vì không được nhóm bạn bè hoặc anh chị trẻ chơi cùng. Các lĩnh vực về cảm xúc, các yếu tố bên ngoài, các năng lực khác hoặc tình trạng sức khỏe có xuất hiện trong nhận thức của trẻ, nhưng tỷ lệ không đáng kể (dưới 10% trẻ).

Bảng 1. Bảng mã hóa câu trả lời của câu hỏi mở và tỷ lệ xác suất của các lĩnh vực liên quan đến sự không hài lòng và hài lòng trong câu trả lời của trẻ

Sự không hài lòng		%	Sự hài lòng		%
I	Cảm xúc		I	Cảm xúc	
1	Buồn, cô đơn, thất bại	7,9	1	Tự đánh giá bản thân	5,5
2	Trạng thái cảm xúc khác	0	2	Trạng thái cảm xúc khác	3,6
II	Mối quan hệ	96,4	II	Mối quan hệ	85,7
1	Sự chia tách với gia đình	1,2	1	Sự hiện diện của gia đình	2,4
2	Sự bắt buộc hoặc chê trách từ bố mẹ, thầy cô	37	2	Sự đánh giá tích cực từ bố mẹ, thầy cô (lời khen...)	43
3	Không có hoạt động chơi với bạn bè, anh em	12,7	3	Có hoạt động vui chơi với bạn bè, anh chị em	5,5
4	Bạo lực (bị bố mẹ, anh chị, cô giáo đánh)	29,1	4	Hài lòng với mối quan hệ gia đình	17,4
5	Mối quan hệ không hài hoà với người khác	16,4	5	Mối quan hệ hài hoà với người khác	17,4
III	Các yếu tố bên ngoài		III	Các yếu tố bên ngoài	85,7
1	Sự không hài lòng liên quan đến đồ vật sở hữu	9,7	1	Sự hài lòng liên quan đến đồ vật sở hữu, quà tặng	0,6
2	Tình trạng của bố mẹ, gia đình	2,4	2	Tình trạng của bố mẹ, gia đình	0
IV	Năng lực		IV	Năng lực	
1	Kết quả học tập (nhận điểm thấp)	60,6	1	Kết quả học tập (nhận điểm cao)	76,4
2	Năng lực khác	3,6	2	Năng lực khác	1,2
V	Sở thích và hoạt động	0	V	Sở thích và hoạt động	54,4
1	Sở thích	0	1	Sở thích	20,6
2	Hoạt động	0	2	Hoạt động	24,8
VI	Sức khoẻ		VI	Sức khoẻ	
1	Đau ốm	7,3	1	Không đau ốm	0

Kết quả phân tích những lĩnh vực khiến trẻ hài lòng cho thấy, *các mối quan hệ với gia đình, bạn bè, với giáo viên* vẫn là một lĩnh vực xuất hiện nhiều nhất trong nhận thức của trẻ về chất lượng cuộc sống của mình (chiếm 85,7%), trong đó, đáng lưu ý là những *lời khen hay sự đánh giá tích cực* của người khác chiếm một vai trò rất quan trọng trong việc mang lại sự hài lòng, niềm vui cho trẻ (chiếm 43%), hoặc trẻ được sống trong một gia đình mà mối quan hệ giữa các thành viên hài hoà, hoặc trẻ được tiếp nhận bởi bạn bè hoặc người khác (chiếm 17,4%), tiếp đến là *yếu tố kết quả học tập* (đạt điểm cao) được 76,4% trẻ đánh giá là yếu tố mang lại sự hài lòng rất lớn đối với trẻ; ngoài ra, các *hoạt động sở thích* cũng là một trong những yếu tố mang lại sự hài lòng rất lớn đối với trẻ (54,4%).

Các kết quả này phản ánh môi trường gia đình, nhà trường là những môi trường tác động nhiều nhất tới sự phát triển của trẻ và tới nhận thức về chất lượng cuộc sống mà trẻ có (Bronfenbrenner, 1979; Matza & cs, 2004), hay các hoạt động vui chơi và hoạt động sở thích luôn là nguồn hài lòng lớn nhất của trẻ (Manificat & cs, 1997; Dazord & cs, 2000).

3.2. Đánh giá của bố mẹ về chất lượng cuộc sống của trẻ- Bảng hỏi KINDL-R⁽³⁾

Điểm trung bình chung của toàn bảng hỏi KINDL-R nhận được là 4,29/5 chỉ ra rằng theo đánh giá của bố mẹ, con cái của họ rất hài lòng với cuộc sống của mình.

Theo bố mẹ, sự hài lòng của trẻ biểu hiện cao nhất trong lĩnh vực *mối quan hệ bạn bè* (M=4,33/5), hay *mối quan hệ gia đình* (M=4,29/5), và lĩnh vực *cảm xúc* (M=4,26/5), hay bố mẹ đánh giá trẻ có một sức khỏe tốt và

hài lòng với *thể chất của mình* (M=4,01/5). Sự hài lòng với trường học thấp hơn các lĩnh vực khác (M=3,96/5). Chúng được thể hiện rõ qua điểm của item như trong lĩnh vực trường học: item “*trẻ lo lắng về kết quả học tập sắp tới*” (M=3,60); hay item “*trẻ sợ nhận được điểm thấp*” (M=3,31/5)

Như vậy, đánh giá của bố mẹ về chất lượng cuộc sống của trẻ phù hợp với đánh giá của trẻ về chất lượng cuộc sống mà trẻ cảm nhận. Kết hợp kết quả đánh giá của cả trẻ và bố mẹ về cảm nhận về sự hài lòng với cuộc sống mà trẻ có cho thấy các lĩnh vực về *mối quan hệ gia đình, mối quan hệ bạn bè* là những lĩnh vực quan trọng nhất trong nhận thức của trẻ về cuộc sống mà trẻ có. Tuy nhiên, môi trường trường học, trong đó những yếu tố liên quan đến kết quả học tập luôn luôn là yếu tố mang lại sự không hài lòng cho trẻ, thậm chí sự lo lắng cho trẻ.

3.3. Phân tích sự khác biệt về chất lượng cuộc sống theo tuổi và giới tính của trẻ

Các so sánh giữa hai nhóm trẻ dưới 8 tuổi và trên 8 tuổi đã chỉ ra những học sinh lớp 1 và lớp 2 (dưới 8 tuổi) ít hài lòng về đời sống gia đình và các mối quan hệ và về năng lực của các em so với các em học sinh trên 8 tuổi (từ lớp 3 đến lớp 5) ($t(1;165)=3,92, p<.01$), nhưng ngược lại các em học sinh trên 8 tuổi lại có một sự thoải mái với môi trường học đường thấp hơn các em học sinh dưới 8 tuổi. Theo đánh giá của bố mẹ, trẻ càng lớn, nhiệm vụ học tập càng nặng, áp lực học tập càng tăng khiến cho những trẻ lớn tuổi hơn có nhiều lo lắng hơn về kết quả học tập.

Về sự khác biệt giữa giới tính và chất lượng cuộc sống của trẻ, theo các bậc phụ huynh, trẻ gái có một sự hài lòng về cuộc sống cao hơn trẻ trai ($t(1;165)=2,3; p<.05$); trong khi theo đánh giá của trẻ, sự khác biệt giữa chất lượng cuộc sống của trẻ trai và trẻ gái không đủ ý nghĩa về mặt thống kê ($t(1;165)=1,1; p>.05$).

⁽³⁾ KINDL-R: Questionnaire for Measuring Health-Related Quality of Life in Children and Adolescents; Ravens-Sieberer & Bullinger, 1997.

4. Kết luận

Trên đây chúng tôi đã trình bày phần lý luận và kết quả nghiên cứu thực tế đánh giá chất lượng cuộc sống của trẻ. Nghiên cứu đã chỉ ra *mối quan hệ gia đình, bạn bè, môi trường trường học (bạn bè, kết quả học tập cao), những hoạt động vui chơi hoặc sở thích* luôn là những yếu tố mang lại sự hài lòng về cuộc sống của trẻ.

Các yếu tố kết quả học tập (điểm cao, thấp) và những sự đánh giá (khen hoặc chê) của giáo viên hay bố mẹ tới năng lực của trẻ chiếm một vị trí gần như chủ đạo trong nhận thức của trẻ về nguồn mang lại sự hài lòng hay không hài lòng trong cuộc sống của trẻ. Điều đó cho chúng tôi thấy sự tồn tại của áp lực học tập hay nói cách khác bệnh thành tích trong học tập từ những yêu cầu, đòi hỏi của gia đình và nhà trường đến sự thành công trong học tập đối với trẻ. Ngoài ra, những yếu tố liên quan đến hành vi bạo lực, sự ép buộc trẻ, hoặc lạm dụng nhiều sự chê trách từ thầy cô và nhà trường cũng gây ảnh hưởng tới sự hài lòng về cuộc sống của trẻ. Từ đó cho thấy để nâng cao chất lượng cuộc sống của trẻ, để mang lại cho trẻ sự hài lòng với cuộc sống của mình, trong môi trường gia đình và trường học, bố mẹ, thầy cô và nhà trường không nên đặt quá nhiều yêu cầu, đòi hỏi về thành tích học tập lên vai trẻ, cũng như “*lạm dụng*” quá nhiều yếu tố kích thích (khen, chê), đặc biệt cần tránh những hành vi bạo lực, đánh hay bắt ép. Ngoài ra, gia đình, nhà trường cần dành cho trẻ có thời gian để trẻ tham gia các hoạt động vui chơi, và được đáp ứng các hoạt động sở thích.

Nghiên cứu đã giải quyết được một số vấn đề về lý luận và thực tiễn về đánh giá chất lượng cuộc sống của trẻ em dưới tiếp cận tâm lý học. Nghiên cứu đã chỉ ra “*chất lượng cuộc sống của trẻ tương ứng với mức độ hài lòng của trẻ trong nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống*

của nó bao gồm sự thoải mái về mặt thể chất, xã hội, và tâm lý”. Mặt kinh tế chưa phải là yếu tố quan trọng trong nhận thức của trẻ khi trẻ đánh giá chất lượng cuộc sống của mình.

Nghiên cứu chỉ ra những vấn đề về nội hàm khái niệm cần được làm rõ hơn nữa dưới các tiếp cận khác nhau. Ngoài ra, cần có những nghiên cứu thiết kế các công cụ đánh giá chất lượng cuộc sống trẻ em hoặc những nghiên cứu thích nghi hoặc chuẩn hoá trắc nghiệm đánh giá về chất lượng cuộc sống trẻ em của nước ngoài phù hợp với văn hoá ở Việt nam. Đó là những triển vọng nghiên cứu mà chúng tôi sẽ hướng tới trong những nghiên cứu về sau.

Mặt khác, liên hệ với nghiên cứu trong ngành xã hội học và công tác xã hội, theo chúng tôi, khái niệm công cụ- chất lượng cuộc sống cần được xem là sự đánh giá đa chiều của cá nhân về những mối quan hệ mà cá nhân tương tác với môi trường theo những tiêu chuẩn đồng thời khách quan và chủ quan như khái niệm mà chúng tôi đã nêu, tức là bao gồm đánh giá các mặt thể chất, xã hội, tâm lý, kinh tế (mức sống của gia đình trẻ). Những nghiên cứu này sẽ là một hướng phát triển cần thiết để ứng dụng trong lĩnh vực mối quan hệ giữa công tác xã hội và trẻ em, trong đó, mục tiêu nghiên cứu nhằm góp phần đóng góp vào việc hoạch định chính sách xã hội cho trẻ em và bảo vệ trẻ em.

Để đánh giá về chất lượng cuộc sống của trẻ em trong ngành công tác xã hội, chúng tôi cho rằng việc thiết kế bảng hỏi cần dựa trên các tiêu chí đánh giá xuất phát từ khái niệm công cụ của nghiên cứu dưới tiếp cận đó. Như vậy, chúng ta cần phân biệt các nội dung đánh giá chất lượng cuộc sống của người lớn và của trẻ em, cần phân biệt các mặt đặc thù trong quan niệm của trẻ về chất lượng cuộc sống. Vấn đề sự hài lòng về thể chất, về mối quan hệ của trẻ với gia đình, bạn bè, và môi trường trường học, về những hoạt động vui chơi hoặc sở thích của trẻ, và tính độc lập của trẻ cần được khai thác trong các

bảng hỏi điều tra bằng nghiên cứu dưới tiếp cận của xã hội học và công tác xã hội. Ngoài ra, những tiêu chí đánh giá liên quan đến mức sống, mức độ hài lòng về kinh tế gia đình của trẻ cũng cần được đề cập tới nhằm có một đánh giá đa chiều, vừa khách quan, vừa chủ quan phù hợp với quan niệm của trẻ và môi trường sống của trẻ.

Tài liệu tham khảo

- [1] Bacro, F., Rambaud, A., Florin, A., & Guimard, P. (2011). L'évaluation de la qualité de vie et son utilité dans le champ de l'éducation. ANAE, 112-113, 189-194.
- [2] Bronfenbrenner, U. et Morris, P.A (1998). The ecology of développement process. In Lerner, R.M. Handbook of child psychology, vol.1 : Theory, 5^e édition, New york: Wiley.
- [3] Bruchon-Schweitzer, M. (2002). Psychologie de la Santé. Modèles, concepts et méthodes. Paris : Dunod.
- [4] Dazord, A., Manificat, S., Escoffier, C., Kadour, J.L., Bobes, J., Gonzales, M.P., Nicolas, J., & Cochat, P. (2000). Qualité de vie des enfants : intérêt de son évaluation : comparaison d'enfants en bonne santé et dans des situations de vulnérabilité psychologique, sociale et somatique. L'Encéphale, 26(5), 46-55.
- [5] Lawton, M.P. (1997). Assessing quality of life in Alzheimer disease research. Alzheimer disease and associated disorders, 11, 91-99.
- [6] Matza, L.S., Swensen, A.R., Flood, E.M., Secnik, K., & Leidy, N.K. (2004). Assessment of health-related quality of life in children: A review of conceptual, methodological, and regulatory issues. Value Health, 7(1), 79-92.
- [7] Magnificat, S., Dazord, A., Cochat, P., & Nicolas, J. (1997). Évaluation de la qualité de vie en pédiatrie : Comment recueillir le point de vue de l'enfant. Archives de Pédiatrie, 4, 1238-1246.
- [8] Missotten, P., Etienne, A.M., Dupuis, G. (2007). La qualité de vie infantile: état actuel des connaissances. Revue Francophone de Clinique Comportementale et Cognitive, 12(4), 14-27.
- [9] Nguyễn Đình Thiêm, 2006, Chất lượng cuộc sống của người di cư Việt Nam (Theo nghiên cứu của Vụ thống kê dân số và lao động), xí nghiệp in SAVINA.
- [10] OMS (Organisation Mondiale de la Santé) (1994). Working group. Definition of the Quality of life. http://fr.wikipedia.org/wiki/Qualit%C3%A9_de_vie
- [11] Upton, P, Lawford, J., & Eiser, C. (2008). Parent-child agreement across child health-related quality of life instruments: a review of the literature. Quality of life research, 17, 895-913.

A Study of the Quality of Life of Children Aged from 6-11 Via Psychological Approach

Ngô Thanh Huệ¹, Lê Thị Mai Liên²

¹VNU School of International, 144 Xuân Thủy Str., Cầu Giấy., Hanoi, Vietnam

²School of Social Sciences and Humanities, Vietnam National University in HCMC, Vietnam

Abstract: The quality of life of children is a very important topic of research, but it remains new in the sociological branch in Vietnam such as sociology and social work, especially the psychological branch. So this area is facing a lot of problems in terms of concept, limitations on the theoretical basis as well as assessment tools. Our study is initially aimed at discussing the issues in theory (concepts, conceptual connotations and so on) as well as research methods for this field in the angle of the psychological branch. A field study on 165 children aged 6-11 and their parents through

questionnaires assessing the quality of life (KINDL-R and AUQUEI) has been made to collect the assessments of the children and their parents themselves about the children's feeling of their lives. Initial results have shown the important areas in the children's perception of quality of life and the suggestions for the development of the questionnaires to evaluate the quality of life of children via psychological approach.

Keywords: Quality of life, assessment, AUQUEI, KINDL-R questionnaires.